

Bản án số: 406/2024/DS-PT  
Ngày: 12/8/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Đạt

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2243/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Lương Văn C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Lê Hữu T, sinh năm 1984, địa chỉ: Số E ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:*

- Anh Trần Thanh T1, sinh năm 1980;

- Chị Đinh Thị T2, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Chị T2 ủy quyền cho anh T1 tham gia tố tụng).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*\* Người kháng cáo:* Ông Lương Văn C là nguyên đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***Theo bản án sơ thẩm:***

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lương Văn C là anh Lê Hữu T trình bày:*

Ông C làm nghề bán thức ăn gia súc theo hình thức mua bán tại nhà nên không có đăng ký kinh doanh. Vào ngày 14/02/2021, bà T3 có dẫn con gái của bà là chị T2 đến cửa hàng của ông để giới thiệu và kêu ông bán thức ăn chăn nuôi heo cho chị T2, trường hợp có gì xảy ra thì bà sẽ đứng ra chịu trách nhiệm. Do bà T3 là chỗ quen biết, ở kế bên nhà nên ông mới đồng ý bán thức ăn cho chị T2. Việc mua bán giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản qua hình thức hợp đồng mua bán.

Thời gian đầu khoảng một đến hai lần lấy thức ăn thì anh T1 và chị T2 sẽ trả tiền một lần. Tuy nhiên, kể từ ngày 25/7/2021 đến ngày 22/9/2021, anh chị chỉ đến mua thức ăn mà không trả tiền, ông có nhiều lần yêu cầu và nhắc nhở nhưng anh T1 và chị T2 chỉ hứa hẹn mà không trả. Ngày 22/9/2021 tại nhà của ông C các bên có chốt lại tổng số tiền nợ thức ăn anh T1 và chị T2 còn nợ là 341.000.000 đồng. Khi đó ông C có yêu cầu anh T1 và chị T2 phải trả trước cho ông một số tiền thì ông mới tiếp tục bán thức ăn tiếp cho anh chị, mặc dù anh chị đã hứa nhưng vẫn không trả cho ông T1 được khoản tiền nào, do đó bắt đầu từ ngày 22/9/2021 thì ông C đã ngừng việc bán thức ăn cho anh T1 và chị T2.

Ông C có nhiều lần yêu cầu bà T3, anh T1, chị T2 trả cho ông số tiền nợ thức ăn còn lại nhưng anh chị chỉ hứa mà không thực hiện. Nhận thấy ông T1 chỉ quen biết bà T3, riêng chị T2 và anh T1 thì ông không thân thiết nhưng do bà T3 giới thiệu và bảo lãnh nên ông mới đồng ý bán thức ăn cho vợ chồng chị T2. Nay chị T2 và anh T1 không thực hiện việc trả tiền thức ăn thì bà T3 phải có trách nhiệm trả thay. Do đó, ông C có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Thanh T1, chị Đinh Thị T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền thức ăn còn nợ là 341.000.000 đồng. Yêu cầu anh T1, chị T2 và bà T3 phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 22/9/2021 đến ngày 22/3/2024 với số tiền là 84.909.000 đồng. Tổng số tiền ông C yêu cầu anh Trần Thanh T1, chị Đinh Thị T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C là 425.909.000 đồng.

*\* Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh T1 trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của ông C về đối tượng của hợp đồng, thời gian thỏa thuận thực hiện và chấm dứt hợp đồng. Anh thống nhất hiện nay anh và chị T2 còn nợ ông C số tiền thức ăn là 341.000.000 đồng, anh đồng ý có nghĩa vụ liên đới với chị T2 trả cho ông C số tiền nêu trên, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, đến khi hết nợ. Riêng về phần lãi suất anh xin không trả lãi.

*\* Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị T2 trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T1, thừa nhận hiện nay chị và anh T1 còn nợ của của ông C số tiền nợ thức ăn là 341.000.000 đồng, chị đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới với anh T1 trả cho ông C số tiền nêu trên nhưng do hoàn cảnh kinh tế hiện quá khó khăn không có khả năng chi trả trong một lần nên xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng trả đến khi hết nợ, riêng về phần lãi suất thì chị xin không trả lãi.

*\* Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T3 trình bày:*

Bà chỉ là người giới thiệu cho chị T2 đến mua thức ăn chăn nuôi heo của ông C, hoàn toàn không có việc bà nhận bảo lãnh cho chị T2 như lời ông C đã trình bày. Việc thỏa thuận mua bán thức ăn giữa ông C với anh T1 và chị T2 không có liên quan đến bà. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn có yêu cầu bà phải có nghĩa vụ liên đới với anh T1 và chị T2 trả số tiền nợ thức ăn 341.000.000 đồng cho ông C.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn C.

Buộc anh Trần Thanh T1 và chị Đinh Thị T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Văn C tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 425.909.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 341.000.000 đồng và tiền lãi là 84.909.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn C về việc ông C có yêu cầu bà Nguyễn Thị T3 liên đới với anh Trần Thanh T1 và chị Đinh Thị T2 trả cho ông C số tiền nợ thức ăn là 341.000.000 đồng và tiền lãi là 84.909.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/5/2024, nguyên đơn ông Lương Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị T3 phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ là 425.909.000 đồng, gồm: tiền vốn là 341.000.000 đồng và tiền lãi là 84.909.000 đồng.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ quan điểm kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị T3 phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ là 425.909.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 341.000.000 đồng và tiền lãi là 84.909.000 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

***\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn ông C kháng cáo yêu cầu bà T3 phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh T1, chị T2 trả số tiền nợ thức ăn và tiền lãi cho ông với tổng số tiền là 425.909.000 đồng, gồm tiền thức ăn còn thiếu là 341.000.000 đồng và tiền lãi là 84.909.000 đồng.

[2] Xét thấy, mặc dù bà T3 thừa nhận bà là người giới thiệu anh T1, chị T2 đến mua thức ăn của ông C nhưng người trực tiếp thực hiện việc giao dịch mua bán thức ăn với ông C là anh T1 và chị T2. Bà T3 không trực tiếp thỏa thuận mua bán thức ăn với ông C và khi chốt số tiền mua thức ăn còn nợ của ông C thì chỉ có anh T1, chị T2 ký tên. Bà T3 không làm ăn kinh tế chung, không sống chung nhà với anh T1, chị T2, đồng thời việc anh T1, chị T2 làm kinh tế từ việc chăn nuôi heo là nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình anh chị, không liên quan đến bà T3. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà T3 có trách nhiệm liên đới đối với số nợ này là đúng quy định pháp luật. Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lương Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn C, cụ thể tuyên:

Buộc anh Trần Thanh T1 và chị Đinh Thị T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lương Văn C tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 425.909.000 (bốn trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm lẻ chín nghìn) đồng, trong đó: tiền vốn là 341.000.000 (ba trăm bốn mươi một triệu) đồng và tiền lãi là 84.909.000 (tám mươi bốn triệu, chín trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn C về việc ông C có yêu cầu bà Nguyễn Thị T3 liên đới với anh Trần Thanh T1 và chị Đinh Thị T2 trả cho ông C số tiền nợ thức ăn là 341.000.000 đồng và tiền lãi là 84.909.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Trần Thanh T1 và chị Đinh Thị T2 phải liên đới chịu là 21.036.000 (hai mươi một triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Hoàn trả cho Lương Văn C số tiền tạm ứng án phí là 10.235.000 (mười triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng

theo biên lai thu số 0001295 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Văn C phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005412 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Minh Đạt**